

**CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX**  
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

---

Hà Nội, tháng 8 năm 2010

## **MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	6 - 7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 27

## **CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX**

775 Giải Phóng, quận Hoàng Mai  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

---

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Gas Petrolimex gọi tắt là (“Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

##### **Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Quang Kiên	Chủ tịch
Ông Trần Văn Thanh	Ủy viên
Ông Nguyễn Á Phi	Ủy viên
Ông Đoàn Văn Thu	Ủy viên
Ông Dương Văn Cơ	Ủy viên(bổ nhiệm ngày 28/04/2010)
Ông Nguyễn Quang Vinh	Ủy viên(miễn nhiệm ngày 28/04/2010)

##### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Trần Văn Thanh	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Á Phi	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Hồng Khánh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Thanh Sơn	Phó Tổng Giám đốc

#### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

---

**Trần Văn Thanh**  
**Tổng Giám đốc**

*Hà Nội, ngày 31 tháng 8 năm 2010*

Số: /Deloitte-AUDHN-RE

**BÁO CÁO**  
**KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Gas Petrolimex**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/6/2010 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Gas Petrolimex (gọi tắt là “Công ty”) cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010. Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 - “Công tác soát xét báo cáo tài chính”. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để đạt được sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Hạn chế phạm vi soát xét**

Phạm vi soát xét của chúng tôi không bao gồm báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 của Công ty TNHH Cơ khí Gas PMG - công ty con của Công ty - với lợi nhuận sau thuế và tài sản thuần tại ngày 30/06/2010 lần lượt là 3.107.012.570 đồng và 27.519.843.484 đồng và Công ty Cổ phần Taxi Gas Sài Gòn Petrolimex - công ty liên kết của Công ty - với lợi nhuận sau thuế và tài sản thuần tại ngày 30/06/2010 lần lượt là 2.653.219.143 đồng và 95.634.321.483 đồng. Báo cáo tài chính của công ty con và công ty liên kết này được soát xét bởi Công ty kiểm toán độc lập khác. Theo đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về số liệu báo cáo tài chính của công ty con và công ty liên kết nêu trên đã được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 của Công ty.

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 phù hợp với các chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

---

**Khúc Thị Lan Anh**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0036/KTV

---

**Nguyễn Minh Hiền**  
**Kiểm toán viên**  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số N.1286/KTV

*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

*Ngày 31 tháng 8 năm 2010*  
*Hà Nội, CHXHCN Việt Nam*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010

**MẪU SỐ B 01-DN/HN**  
Đơn vị: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/06/2010</b>	<b>31/12/2009</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>543.520.463.881</b>	<b>524.313.694.051</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>40.227.351.783</b>	<b>44.721.046.166</b>
1. Tiền	111		39.627.351.783	22.921.046.166
2. Các khoản tương đương tiền	112		600.000.000	21.800.000.000
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>331.009.996.233</b>	<b>327.111.453.754</b>
1. Phải thu khách hàng	131		327.642.361.837	330.740.624.061
2. Trả trước cho người bán	132		5.572.166.655	2.305.309.370
3. Các khoản phải thu khác	135	5	11.135.067.995	7.087.569.732
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(13.339.600.254)	(13.022.049.409)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>6</b>	<b>158.565.091.583</b>	<b>133.354.321.540</b>
1. Hàng tồn kho	141		158.565.091.583	133.354.321.540
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>13.718.024.282</b>	<b>19.126.872.591</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.913.967.367	1.379.639.890
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		9.974.321.502	9.714.475.552
3. Các khoản khác phải thu Nhà nước	154		217.228.385	1.337.360.556
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.612.507.028	6.695.396.593
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>520.539.245.809</b>	<b>479.762.087.717</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>274.392.821.765</b>	<b>273.038.281.656</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	215.945.826.033	214.013.122.849
- Nguyên giá	222		395.678.863.472	382.389.207.895
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(179.733.037.439)	(168.376.085.046)
2. Tài sản cố định vô hình	227	8	19.801.883.650	18.574.331.840
- Nguyên giá	228		21.973.542.523	20.141.016.887
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.171.658.873)	(1.566.685.047)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	38.645.112.082	40.450.826.967
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>31.218.078.531</b>	<b>23.392.014.190</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	11	28.183.895.804	22.572.729.692
2. Đầu tư dài hạn khác	258	12	6.769.915.727	5.974.643.398
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	12	(3.735.733.000)	(5.155.358.900)
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>214.928.345.513</b>	<b>183.331.791.871</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	214.314.445.513	182.675.695.871
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		537.500.000	537.500.000
3. Tài sản dài hạn khác	268		76.400.000	118.596.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>1.064.059.709.690</b>	<b>1.004.075.781.768</b>

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 27 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
*Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010*

**MẪU SỐ B 01-DN/HN**  
*Đơn vị: VND*

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2010		31/12/2009	
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>516.720.823.580</b>		<b>443.898.085.034</b>	
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>387.366.502.131</b>		<b>326.224.426.410</b>	
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	14	138.541.605.432		86.938.961.175	
2. Phải trả người bán	312		171.074.283.747		172.391.346.533	
3. Người mua trả tiền trước	313		5.249.045.146		5.334.864.820	
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	3.906.075.319		19.869.775.907	
5. Phải trả người lao động	315		15.919.210.499		27.262.687.985	
6. Chi phí phải trả	316		3.332.582.476		603.106.500	
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	16	44.424.628.885		11.586.486.452	
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		546.500.000		552.000.000	
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		4.372.570.627		1.685.197.038	
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>129.354.321.449</b>		<b>117.673.658.624</b>	
1. Phải trả dài hạn khác	333	17	128.607.587.040		116.927.209.345	
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		746.734.409		746.449.279	
<b>B. NGUỒN VỐN (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>533.854.162.803</b>		<b>545.030.409.585</b>	
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>18</b>	<b>533.854.162.803</b>		<b>545.030.409.585</b>	
1. Vốn điều lệ	411		264.998.230.000		264.998.230.000	
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		130.189.889.554		130.189.889.554	
3. Cổ phiếu quỹ	414		(49.700.000)		(49.700.000)	
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-		(85.153.736)	
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		99.502.636.970		92.918.876.291	
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		10.671.863.179		8.671.863.179	
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		28.541.243.100		48.386.404.297	
<b>C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		<b>13.484.723.307</b>		<b>15.147.287.149</b>	
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)</b>	<b>440</b>		<b>1.064.059.709.690</b>		<b>1.004.075.781.768</b>	

Trần Văn Thanh  
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 8 năm 2010

Nguyễn Hữu Quang  
Kế toán trưởng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010

**MẪU SỐ B 02-DN/HN**

Đơn vị: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010</b>	<b>Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009</b>
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>		<b>1.182.527.200.891</b>	<b>725.735.923.840</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.168.455.650	626.730.033
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	<b>10</b>	<b>19</b>	<b>1.181.358.745.241</b>	<b>725.109.193.807</b>
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	20	1.024.508.518.257	580.377.793.105
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>156.850.226.984</b>	<b>144.731.400.702</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	5.744.265.508	3.791.072.864
7. Chi phí tài chính	22	22	10.373.232.626	2.103.164.479
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>			<i>5.647.706.555</i>	<i>2.320.375.505</i>
8. Chi phí bán hàng	24		105.241.215.962	81.548.121.589
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		17.662.992.437	22.322.441.387
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}</b>	<b>30</b>		<b>29.317.051.467</b>	<b>42.548.746.111</b>
11. Thu nhập khác	31	23	2.861.464.171	532.505.115
12. Chi phí khác	32	24	1.986.154.302	727.517.770
<b>13. Lợi nhuận/(lỗ) khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>875.309.869</b>	<b>(195.012.655)</b>
<b>14. Phần lợi nhuận trong công ty liên kết, liên doanh</b>	<b>50</b>		<b>611.301.691</b>	<b>144.331.856</b>
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (60=30+40+50)</b>	<b>60</b>		<b>30.803.663.027</b>	<b>42.498.065.312</b>
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	61		3.988.075.811	4.663.544.376
17. (Thu nhập)/chi phí thuế thu nhập hoãn lại	62		-	-
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (70=60-61-62)</b>	<b>70</b>		<b>26.815.587.216</b>	<b>37.834.520.936</b>
<i>Lợi ích của cổ đông thiểu số</i>			<i>1.522.436.159</i>	<i>2.635.111.401</i>
<i>Lợi ích của Cổ đông Công ty mẹ</i>			<i>25.293.151.057</i>	<i>35.199.409.535</i>
<b>19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>80</b>	<b>25</b>	<b>955</b>	<b>1.408</b>

**Trần Văn Thanh**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 31 tháng 8 năm 2010

**Nguyễn Hữu Quang**  
**Kế toán trưởng**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010  
(Theo phương pháp gián tiếp)

**MÃ SỐ B 03-DN/HN**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2010	Từ 01/01/2009
		đến 30/06/2010	đến 30/06/2009
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>30.803.663.027</b>	<b>42.498.065.312</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	11.961.926.219	15.449.188.906
Các khoản dự phòng	03	(1.102.075.055)	(18.227.179.123)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	972.455.292	3.319.302.445
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(4.587.559.246)	(1.104.874.086)
Chi phí lãi vay	06	5.647.706.555	2.320.375.505
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>43.696.116.792</b>	<b>44.254.878.959</b>
(Tăng) các khoản phải thu	09	(13.231.298.555)	(40.762.168.411)
(Tăng) hàng tồn kho	10	(25.210.770.043)	(43.849.442.552)
(Giảm)/Tăng các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11	(6.242.040.971)	148.708.980.615
(Tăng) chi phí trả trước	12	(32.173.077.119)	(15.801.648.875)
Tiền lãi vay đã trả	13	(5.647.706.555)	(2.320.375.505)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1.674.223.236)	(846.880.940)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(4.937.721.033)	(8.027.895.401)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(45.420.720.720)</b>	<b>81.355.447.890</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(13.316.466.328)	(11.691.169.130)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	70.000.818
3. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	-	(78.599.939.185)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	79.094.495.209
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(5.000.000.000)	(6.100.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	25.394.131.329
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.587.559.246	1.712.352.117
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(13.728.907.082)</b>	<b>9.879.871.158</b>

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 27 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 06 năm 2010  
(Theo phương pháp gián tiếp)

**MẪU SỐ B 03-DN/HN**

Đơn vị: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Từ 01/01/2010</b>	<b>Từ 01/01/2009</b>
		<b>đến 30/06/2010</b>	<b>đến 30/06/2009</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	457.404.582.246	113.532.770.851
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(402.742.213.827)	(197.346.468.770)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(6.435.000)	(521.041.949)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>54.655.933.419</b>	<b>(84.334.739.868)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(4.493.694.383)</b>	<b>6.900.579.180</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>44.721.046.166</b>	<b>54.521.888.243</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối kỳ (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>40.227.351.783</b>	<b>61.422.467.423</b>

**Trần Văn Thanh**  
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 8 năm 2010

**Nguyễn Hữu Quang**  
Kế toán trưởng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Gas Petrolimex gọi tắt là (“Công ty”) tiền thân là Công ty Gas thuộc Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam hoạt động theo Luật doanh nghiệp Nhà nước, sau đó được chuyển sang hình thức Công ty cổ phần và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp theo Quyết định số 1669/2003/QĐ/BTM ngày 03/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại. Thời điểm bàn giao sang công ty cổ phần là ngày 01/01/2004 theo Quyết định phê duyệt số 5786 TC/TCĐN ngày 21/5/2004 của Bộ Tài chính. Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103003549, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 31/12/2009 với số vốn điều lệ là 264.998.230.000 đồng.

Công ty được cấp Giấy phép niêm yết cổ phiếu theo Quyết định số 65/UBCK-GPNY ngày 20/10/2006 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Ngày 24/11/2006, cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết trên sàn chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty mẹ của Công ty Cổ phần Gas Petrolimex là Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam, nắm giữ 52,36% vốn điều lệ.

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty bao gồm: xuất nhập khẩu và kinh doanh gas hóa lỏng; kinh doanh kho bãi, vận tải, vật tư thiết bị, phụ kiện; tư vấn đầu tư, chuyển giao công nghệ, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt và dịch vụ thương mại và dịch vụ có liên quan đến phục vụ kinh doanh gas theo quy định của pháp luật; kinh doanh địa ốc và bất động sản; nạp khí dầu mỏ hóa lỏng vào chai (vỏ bình gas); kiểm định, bảo dưỡng các loại vỏ bình gas.

Tổng số nhân viên của Công ty và các công ty con tại ngày 30/06/2010 là 1.019 người (tại ngày 31/12/2009 là 890 người).

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỶ KẾ TOÁN****Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính của công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con). Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa công ty mẹ và các công ty con và giữa các công ty con với nhau được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MÃU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỶ KẾ TOÁN (Tiếp theo)****Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất (Tiếp theo)**

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.  
Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính của Công ty sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn vào công ty liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc và được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

**Góp vốn liên doanh**

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Góp vốn liên doanh (Tiếp theo)**

Trong trường hợp một nhóm thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thoả thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thoả thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Bất kỳ lợi thế kinh doanh nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Công ty tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử (nếu áp dụng).

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính “ Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định”, cụ thể như sau:

**Thời gian khấu hao (năm)**

(6 tháng đầu năm 2010)

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 30
Máy móc, thiết bị	6 – 10
Phương tiện vận tải	8 - 10
Dụng cụ quản lý	3 - 6
Tài sản cố định khác	3 - 10

**Tài sản cố định vô hình và hao mòn**

Tài sản cố định vô hình phản ánh giá trị quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Trong đó, giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn không được trích khấu hao, giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn được trích khấu hao theo thời gian sử dụng được cấp. Phần mềm máy tính được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 10 năm.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản đầu tư dài hạn khác**

Các khoản đầu tư dài hạn khác phản ánh các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Đối với các khoản đầu tư chứng khoán của các công ty đã niêm yết, giá trị dự phòng được xác định trên cơ sở chênh lệch giữa giá mua thực tế và giá giao dịch bình quân thực tế trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) tại ngày trích lập dự phòng; hoặc giá đóng cửa tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Đối với các khoản đầu tư chứng khoán chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán và không có giao dịch trên thị trường giao dịch không chính thức (OTC) hoặc Upcom, giá trị dự phòng được Công ty xác định trên cơ sở chênh lệch giữa giá mua thực tế và mệnh giá chứng khoán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị còn lại của giá trị vỏ bình gas đã đưa vào sử dụng nhưng chưa được phân bổ hết, tiền thuê đất trả trước và các khoản chi phí trả trước có thời hạn lớn hơn một năm.

Tiền thuê đất trả trước là giá trị tiền thuê đất để xây dựng Kho gas Đình Vũ với số tiền 24.856.249.290 đồng, trong thời hạn 488 tháng và được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên và chi phí bảo hiểm tài sản. Giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ hai đến ba năm theo các quy định kế toán hiện hành. Chi phí bảo hiểm tài sản được phân bổ theo thời gian thực tế mua bảo hiểm.

**Phân bổ giá trị vỏ bình gas và khoản ký quỹ, ký cược vỏ bình gas nhận được**

Giá trị vỏ bình gas được phản ánh trên khoản mục chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 15 năm theo Công văn số 7640/CV-BTC ngày 21/6/2005 của Bộ Tài chính.

Từ ngày 01/7/2009, Công ty áp dụng Công văn số 7776/BTC-TCT ngày 02/6/2009 của Bộ Tài chính để xác định giá trị phân bổ chi phí vỏ bình gas; theo đó, thời gian phân bổ đối với các vỏ bình gas loại có giá trị dưới 10 triệu đồng/vỏ được tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong khoảng thời gian từ 5 đến 10 năm. Trường hợp các vỏ bình gas đã tiến hành phân bổ giá trị theo hướng dẫn tại Công văn số 7640/CV-BTC ngày 21/6/2005 của Bộ Tài chính thì doanh nghiệp không thực hiện điều chỉnh lại.

Ký quỹ, ký cược vỏ bình gas nhận được từ khách hàng được phân bổ vào thu nhập tương ứng với thời hạn phân bổ giá trị vỏ bình gas.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Chuyển đổi ngoại tệ**

Ngày 15/10/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 201/2009/TT-BTC hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Thông tư số 201/2009/TT-BTC quy định việc ghi nhận các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối niên độ kế toán có sự khác biệt so với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC, việc xử lý chênh lệch tỷ giá được thực hiện như sau:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Chuyển đổi ngoại tệ (Tiếp theo)**

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại thời điểm ngày kết thúc kỳ kế toán không được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Trong trường hợp Công ty bị lỗ, Công ty có thể phân bổ một phần khoản lỗ chênh lệch tỷ giá trong vòng 5 năm tiếp theo sau khi đã trừ đi phần chênh lệch tỷ giá phát sinh tương ứng với phần nợ dài hạn đến hạn trả.

Nếu áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC, lợi nhuận trước thuế của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010 sẽ tăng lên 972.455.292 VND và khoản mục “chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty tại ngày 30/6/2010 sẽ giảm một khoản tương ứng so với việc áp dụng theo VAS 10. Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định không áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC và tin tưởng việc áp dụng theo VAS 10 sẽ phản ánh hợp lý hơn tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty cho 6 tháng đầu năm 2010.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Được sự chấp thuận của Bộ Tài chính tại Công văn số 1916/BTC-CĐKT ngày 20/02/2009, Tổng Công ty Xăng Dầu Petrolimex đã ban hành Quyết định số 256/XD-HĐQT ngày 04/5/2009 về việc ban hành “Chế độ hạch toán tỷ giá hối đoái”. Công ty đã áp dụng hướng dẫn trên của Tổng Công ty. Theo đó, số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch của Ngân hàng Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) tại ngày này thay vì tỷ giá giao dịch bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của thuế phải trả hiện tại và thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Thuế (Tiếp theo)**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập chịu thuế. Công ty thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003 của Chính phủ. Theo đó, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong vòng hai năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi (2004 và 2005) và giảm 50% cho ba năm tiếp theo (từ 2006 đến 2008).

Công ty bắt đầu niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán từ năm 2006. Theo quy định tại Công văn số 10997 CV/BTC-CST ngày 18/9/2006 của Bộ Tài chính về ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các doanh nghiệp niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán, Công ty được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm (2009 và 2010) tính từ khi kết thúc thời hạn được miễn, giảm thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>30/06/2010</b>	<b>31/12/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	6.556.393.197	7.009.347.446
Tiền gửi ngân hàng	32.255.678.586	15.483.948.720
Tiền đang chuyển	815.280.000	427.750.000
Các khoản tương đương tiền(*)	600.000.000	21.800.000.000
	<b>40.227.351.783</b>	<b>44.721.046.166</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các ngân hàng thương mại.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

**5. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	<b>30/06/2010</b>	<b>31/12/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu gas rời với khách hàng thuê đóng bình	-	1.501.920.000
Phải thu về cổ phần hóa	21.000.000	21.000.000
Phải thu khác	11.114.067.995	5.564.649.732
	<b>11.135.067.995</b>	<b>7.087.569.732</b>

**6. HÀNG TỒN KHO**

	<b>30/06/2010</b>	<b>31/12/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Hàng mua đang đi đường	12.238.235.711	19.925.210.571
Nguyên liệu, vật liệu	24.290.111.874	25.627.059.541
Công cụ, dụng cụ	2.012.902.945	2.103.036.409
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	925.685.430	281.847.960
Thành phẩm	3.491.456.984	62.478.000
Hàng hóa	115.573.212.639	85.354.689.059
Hàng gửi đi bán	33.486.000	-
	<b>158.565.091.583</b>	<b>133.354.321.540</b>
Trừ: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho</b>	<b>158.565.091.583</b>	<b>133.354.321.540</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX**775 Giải Phóng, quận Hoàng Mai  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010  
đến ngày 30/06/2010**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***MẪU SỐ B 09-DN/HN****7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc</b>	<b>Máy móc, thiết bị</b>	<b>Phương tiện vận tải</b>	<b>Dụng cụ quản lý</b>	<b>TSCĐ khác</b>	<b>Tổng cộng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
<b>Tại ngày 01/01/2010</b>	<b>266.626.388.451</b>	<b>65.535.544.400</b>	<b>45.401.874.561</b>	<b>3.015.505.265</b>	<b>1.809.895.218</b>	<b>382.389.207.895</b>
Mua sắm mới	-	820.848.370	2.721.966.101	181.053.636	-	3.723.868.107
XDCB hoàn thành	5.744.896.638	1.231.225.923	2.589.664.909	-	-	9.565.787.470
<b>Tại ngày 30/06/2010</b>	<b>272.371.285.089</b>	<b>67.587.618.693</b>	<b>50.713.505.571</b>	<b>3.196.558.901</b>	<b>1.809.895.218</b>	<b>395.678.863.472</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
<b>Tại ngày 01/01/2010</b>	<b>98.203.343.209</b>	<b>40.274.763.090</b>	<b>26.453.309.758</b>	<b>2.077.822.715</b>	<b>1.366.846.274</b>	<b>168.376.085.046</b>
Khấu hao trong kỳ	6.496.516.224	2.679.703.518	1.933.553.969	173.022.474	74.156.208	11.356.952.393
<b>Tại ngày 30/06/2010</b>	<b>104.699.859.433</b>	<b>42.954.466.608</b>	<b>28.386.863.727</b>	<b>2.250.845.189</b>	<b>1.441.002.482</b>	<b>179.733.037.439</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
<b>Tại ngày 30/06/2010</b>	<b>167.671.425.656</b>	<b>24.633.152.085</b>	<b>22.326.641.844</b>	<b>945.713.712</b>	<b>368.892.736</b>	<b>215.945.826.033</b>
<b>Tại ngày 31/12/2009</b>	<b>168.423.045.242</b>	<b>25.260.781.310</b>	<b>18.948.564.803</b>	<b>937.682.550</b>	<b>443.048.944</b>	<b>214.013.122.849</b>

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 30/6/2010 là 22.707.411.465 đồng (tại ngày 31/12/2009 là 24.120.882.339 đồng).

**CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX**775 Giải Phóng, quận Hoàng Mai  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010  
đến ngày 30/06/2010**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MÃU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
<b>Tại ngày 01/01/2010</b>	<b>18.863.457.625</b>	<b>1.277.559.262</b>	<b>20.141.016.887</b>
Tăng do mua sắm	-	1.832.525.636	1.832.525.636
<b>Tại ngày 30/06/2010</b>	<b>18.863.457.625</b>	<b>3.110.084.898</b>	<b>21.973.542.523</b>
<b>GIÁ TRỊ KHẤU HAO LŨY KẾ</b>			
<b>Tại ngày 01/01/2010</b>	<b>1.294.959.145</b>	<b>271.725.902</b>	<b>1.566.685.047</b>
Trích khấu hao trong kỳ	-	604.973.826	604.973.826
<b>Tại ngày 30/06/2010</b>	<b>1.294.959.145</b>	<b>876.699.728</b>	<b>2.171.658.873</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
<b>Tại ngày 30/06/2010</b>	<b>17.568.498.480</b>	<b>2.233.385.170</b>	<b>19.801.883.650</b>
<b>Tại ngày 31/12/2009</b>	<b>17.568.498.480</b>	<b>1.005.833.360</b>	<b>18.574.331.840</b>

(\*) Trong đó, bao gồm giá trị quyền sử dụng đất là giá trị lô đất tại 322 Điện Biên Phủ - TP. Hồ Chí Minh, được đánh giá lại theo Quyết định số 4450/QĐ-UBND ngày 25/9/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ theo Quyết định số 1158/QĐ-UBND ngày 25/3/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, Công ty được sử dụng lô đất tại phường 22, quận Bình Thạnh để xây dựng văn phòng với chế độ giao đất có thu tiền sử dụng đất. Thời hạn giao đất là 50 năm kể từ ngày Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quyết định. Công ty chưa thực hiện phân bổ khấu hao cho giá trị quyền sử dụng đất này do dự án xây dựng cao ốc văn phòng trên lô đất đang trong giai đoạn xây dựng dở dang và chưa đi vào sử dụng.

**9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG**

	30/06/2010 VND	31/12/2009 VND
Công trình mở rộng kho gas Đình Vũ giai đoạn 1 (*)	-	(1.156.368.555)
Cao ốc văn phòng 322 Điện Biên Phủ	14.073.378.745	10.018.821.546
Công trình kho gas Đình Vũ giai đoạn 2	-	4.035.174.070
Kho LPG Công ty phôi thép Sông Đà	-	570.121.018
Trạm auto gas tại CH XD số 4 KV5	545.202.386	-
Kho chứa, công nghệ NX LPG Becker	447.067.251	-
Mua xe tải 8,6 tấn Hino	-	1.224.353.986
Văn phòng tòa nhà MIPEC Tower	19.808.000.000	19.808.000.000
Kho LPG Công ty Môi trường Đô thị	-	1.335.800.799
Cải tạo trạm cấp gas Ninh Phúc- Ninh Bình	1.685.821.141	447.381.363
Công trình kho Covi	322.805.644	-
Công trình Công ty TNHH Tôn Vĩnh Hưng	297.244.500	-
Công trình khác	1.465.592.415	4.167.542.740
	<b>38.645.112.082</b>	<b>40.450.826.967</b>

(\*) Công trình mở rộng kho gas Đình Vũ đã hoàn thành và đưa vào sử dụng. Công ty đang tạm hạch toán tăng tài sản cố định theo giá trị tạm quyết toán. Số dư công trình âm là do giá trị tạm tăng lớn hơn giá trị thực tế tổng hợp. Phần giá trị âm này Công ty chưa hạch toán vào giá trị công trình do nhà thầu chưa phát hành hóa đơn. Trong kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010, Công ty đã căn cứ vào hóa đơn do nhà thầu phát hành để hạch toán xử lý phần giá trị ghi âm tại ngày 31/12/2009.

**CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX**775 Giải Phóng, quận Hoàng Mai  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010  
đến ngày 30/06/2010**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 30/06/2010 như sau:

<b>Tên công ty con</b>	<b>Nơi thành lập và hoạt động</b>	<b>Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết (%)</b>	<b>Hoạt động chính</b>
Công ty TNHH Gas Hải Phòng	Hải Phòng	100	Kinh doanh gas hóa lỏng
Công ty TNHH Gas Đà Nẵng	Đà Nẵng	100	Kinh doanh gas hóa lỏng
Công ty TNHH Gas Sài Gòn	Hồ Chí Minh	100	Kinh doanh gas hóa lỏng
Công ty TNHH Gas Cần Thơ	Cần Thơ	100	Kinh doanh gas hóa lỏng
Công ty TNHH Cơ khí Gas PMG	Hồ Chí Minh	51	Sản xuất, sửa chữa, lắp đặt bình gas

**11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH**

	<b>30/06/2010</b>	<b>31/12/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đầu tư vào các công ty liên kết, liên doanh	25.377.064.426	20.377.064.426
Phần lợi nhuận, cổ tức được chia đã nhận	1.781.211.824	1.170.045.712
Thặng dư cổ phần của các công ty liên kết, liên doanh	1.025.619.554	1.025.619.554
	<b>28.183.895.804</b>	<b>22.572.729.692</b>
<b>Tên công ty</b>	<b>30/06/2010</b>	<b>31/12/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH Taxi Gas Sài Gòn Petrolimex (i)	20.377.064.426	20.377.064.426
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại PLG (ii)	5.000.000.000	-
	<b>25.377.064.426</b>	<b>20.377.064.426</b>

- (i) Thể hiện giá trị vốn góp vào Công ty Cổ phần Taxi Sài Gòn - Petrolimex với tỷ lệ vốn góp tương ứng với quyền biểu quyết tại ngày 30/06/2010 là 23% ( tại ngày 31/12/2009 là 23%).
- (ii) Khoản đầu tư được thực hiện theo Hợp đồng liên doanh số 01/HĐLD/PGC-PLC ngày 15/5/2010 giữa Công ty Cổ phần Gas Petrolimex và Công ty Cổ phần Hóa dầu Petrolimex. Tổng số vốn điều lệ để thành lập Công ty TNHH Đầu tư Thương mại PLG là 10 tỷ đồng; trong đó, Công ty Cổ phần Gas Petrolimex góp 5 tỷ đồng (chiếm 50%) và Công ty Cổ phần Hóa dầu Petrolimex góp 5 tỷ đồng (chiếm 50%). Công ty TNHH Đầu tư Thương mại PLG đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 01104754925 ngày 17/6/2010.

Thông tin tài chính tóm tắt về công ty liên kết của Công ty được trình bày như sau:

	<b>30/06/2010</b>	<b>31/12/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng tài sản	108.673.562.923	110.910.791.805
Tổng công nợ	13.039.241.440	13.463.707.357
Quỹ khen thưởng phúc lợi	43.788.608	(104.503.954)
Tài sản thuần	95.590.532.875	97.551.593.402
Phần tài sản thuần Công ty đầu tư vào công ty liên kết	<b>23.183.895.804</b>	<b>22.572.729.692</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX**775 Giải Phóng, quận Hoàng Mai  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010  
đến ngày 30/06/2010**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***12. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

	<b>30/06/2010</b>	<b>31/12/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hà Nội	2.610.000.000	2.610.000.000
Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - TKV	3.120.000.000	3.120.000.000
Đầu tư dài hạn khác (*)	1.039.915.727	244.643.398
	<b>6.769.915.727</b>	<b>5.974.643.398</b>
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(3.735.733.000)	(5.155.358.900)
<b>Giá trị thuần khoản đầu tư</b>	<b>3.034.182.727</b>	<b>819.284.498</b>

(\*) Thể hiện giá trị còn lại của hợp đồng cho thuê hệ thống bồn gas, đã được xây dựng để cung cấp gas cho khách hàng.

**13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	<b>Tiền thuê đất</b>	<b>Vỏ bình gas</b>	<b>Khác</b>	<b>Tổng cộng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tại ngày 01/01/2010</b>	<b>22.812.818.977</b>	<b>156.864.463.453</b>	<b>2.998.413.441</b>	<b>182.675.695.871</b>
Tăng trong kỳ	-	42.155.559.173	1.917.027.462	44.072.586.635
Phân bổ vào chi phí trong kỳ	(306.234.966)	(10.761.759.863)	(1.365.842.164)	(12.433.836.993)
<b>Tại ngày 30/06/2010</b>	<b>22.506.584.011</b>	<b>188.258.262.763</b>	<b>3.549.598.739</b>	<b>214.314.445.513</b>

Tiền thuê đất phản ánh giá trị hợp đồng thuê 3 ha đất tại khu Công nghiệp Đình Vũ - ký hiệu Cn 5.2, được trả trước cho Công ty Liên doanh TNHH phát triển Đình Vũ với thời gian thuê là 488 tháng đến hết ngày 02/4/2047.

**14. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	<b>30/06/2010</b>	<b>31/12/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex [1]	9.647.842.721	-
Ngân hàng Ngoại Thương TP. Hồ Chí Minh	-	12.707.566.883
Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam [2]	128.893.762.711	66.418.473.090
Ngân hàng Citibank - Chi nhánh Hà Nội	-	7.812.921.202
	<b>138.541.605.432</b>	<b>86.938.961.175</b>

[1] Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex theo Hợp đồng tín dụng số 0675 - SG/HỆTDHM - PGB ngày 08/09/2009 với hạn mức tín dụng là 12.500 tỷ VND, giải ngân bằng VND và USD, các lần rút vốn sẽ đáo hạn không quá 4 tháng kể từ ngày rút vốn. Số dư gốc vay ngoại tệ là 505.254,92 USD, lãi suất cho vay là 4,75%/năm.

[2] Khoản vay từ Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam theo Hợp đồng cung cấp tín dụng số 100068/HỆCTD.SGD.NHNT ngày 01/4/2010 với tổng hạn mức cấp tín dụng là 400 tỷ VND, trong đó: hạn mức cho vay là 180 tỷ VND, hạn mức bảo lãnh miễn ký quỹ 100% là 50 tỷ VND và hạn mức phát hành thư tín dụng miễn ký quỹ 100% là 170 tỷ VND. Các lần rút vốn sẽ đáo hạn tối đa không quá 3 tháng kể từ ngày rút vốn, giải ngân bằng VND và USD. Lãi suất cho vay áp dụng theo từng thời kỳ và ghi trên từng giấy nhận nợ. Số dư gốc vay tại ngày 30/6/2010 là 6.747.559,84 USD theo 8 kế ước nhận nợ, kỳ hạn 3 tháng, lãi suất từ 4,5%/năm đến 4,75%/năm, lãi vay trả hàng tháng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<u>30/06/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	828.587.352	16.985.914.724
Thuế xuất, nhập khẩu	55.529.423	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.014.385.411	1.977.878.005
Thuế thu nhập cá nhân	7.573.133	905.983.178
	<b><u>3.906.075.319</u></b>	<b><u>19.869.775.907</u></b>

**16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC**

	<u>30/06/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	1.672.213.000	1.725.901.717
Đoàn phí công đoàn	575.095.369	331.312.473
Bảo hiểm xã hội	1.008.676.533	762.212.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	41.168.643.983	8.767.060.262
	<b><u>44.424.628.885</u></b>	<b><u>11.586.486.452</u></b>

**17. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC**

	<u>30/06/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Tiền ký quỹ vô bình gas nhận được	128.607.587.040	116.772.609.345
Khác	-	154.600.000
	<b><u>128.607.587.040</u></b>	<b><u>116.927.209.345</u></b>

Phải trả dài hạn khác tại ngày 30/06/2010 phản ánh số tiền ký quỹ, ký cược giá trị vô bình gas nhận được từ khách hàng. Biến động về khoản tiền ký cược vô bình gas nhận được trong kỳ như sau:

	<u>Năm 2010</u>
	VND
<b>Tại ngày 01/01/2010</b>	<b>116.772.609.345</b>
Tăng trong kỳ	18.718.145.832
Kết chuyển vào doanh thu trong kỳ	6.883.168.137
<b>Tại ngày 30/06/2010</b>	<b><u>128.607.587.040</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX**775 Giải Phóng, quận Hoàng Mai  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010  
đến ngày 30/06/2010**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***MẪU SỐ B 09-DN/HN****18. VỐN CHỦ SỞ HỮU****a. Thay đổi vốn chủ sở hữu:**

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 01/01/2010</b>	<b>264.998.230.000</b>	<b>130.189.889.554</b>	<b>(49.700.000)</b>	<b>(85.153.736)</b>	<b>92.918.876.291</b>	<b>8.671.863.179</b>	<b>48.386.404.297</b>	<b>545.030.409.585</b>
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	25.293.151.057	25.293.151.057
Trích quỹ trong kỳ	-	-	-	-	6.583.760.679	2.000.000.000	(16.856.912.823)	(8.273.152.144)
Trả cổ tức trong kỳ	-	-	-	-	-	-	(26.496.470.000)	(26.496.470.000)
Tăng khác	-	-	-	85.153.736	-	-	-	85.153.736
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(1.784.929.431)	(1.784.929.431)
<b>Tại ngày 30/06/2010</b>	<b>264.998.230.000</b>	<b>130.189.889.554</b>	<b>(49.700.000)</b>	<b>-</b>	<b>99.502.636.970</b>	<b>10.671.863.179</b>	<b>28.541.243.100</b>	<b>533.854.162.803</b>

**b. Chi tiết vốn điều lệ của Công ty như sau:**

	Tỷ lệ	30/06/2010 VND
Tổng Công ty Xăng Dầu Việt Nam	52.36%	138.761.420.000
Vốn góp của các cổ đông khác	47.64%	126.236.810.000
	<b>100.00%</b>	<b>264.998.230.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

**c. Cổ tức**

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 ngày 28/4/2010, Công ty nhất trí thông qua tỷ lệ chia cổ tức năm 2009 là 16%. Trong năm 2009, Công ty đã thông báo tạm ứng cổ tức đợt 1 là 14.998.236.000 đồng (tỷ lệ 6%) và thanh toán bằng tiền mặt. Thanh toán cổ tức đợt 2 là 26.496.470.000 đồng (tỷ lệ 10%) bằng cổ phiếu. Hiện tại, Công ty đang ghi nhận số tiền chi trả cổ tức đợt 2 trên tài khoản 338 – Phải trả phải nộp khác.

**d. Số cổ phiếu đang lưu hành**

Số lượng cổ phần Công ty đăng ký và đã phát hành ra công chúng tại ngày 30/06/2010 là 26.499.823 cổ phần; trong đó, Công ty đang nắm giữ 3.353 cổ phiếu quỹ tương đương với 3.353 cổ phần. Mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

**19. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<b>Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010</b>	<b>Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Doanh thu bán hàng	1.173.155.310.636	711.578.069.511
Doanh thu dịch vụ	8.203.434.605	13.531.124.296
	<b><u>1.181.358.745.241</u></b>	<b><u>725.109.193.807</u></b>

**20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<b>Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010</b>	<b>Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	1.018.406.193.277	571.839.951.763
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	6.102.324.980	8.537.841.342
	<b><u>1.024.508.518.257</u></b>	<b><u>580.377.793.105</u></b>

**21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010</b>	<b>Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	689.124.991	661.395.886
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	-	242.275.200
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.898.434.255	201.203.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	301.473.073	960.984.258
Lãi bán hàng trả chậm	394.038.899	901.453.194
Doanh thu hoạt động tài chính khác	461.194.290	823.761.326
	<b><u>5.744.265.508</u></b>	<b><u>3.791.072.864</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX**775 Giải Phóng, quận Hoàng Mai  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010  
đến ngày 30 tháng 06 năm 2010**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***22. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010</b>	<b>Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền vay	5.647.706.555	2.320.375.505
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	972.455.292	3.319.302.445
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.897.097.399	1.036.670.422
Hoàn nhập chi phí dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(1.419.625.900)	(4.713.459.603)
Chi phí hoạt động tài chính khác	275.599.280	140.275.710
	<b>10.373.232.626</b>	<b>2.103.164.479</b>

**23. THU NHẬP KHÁC**

	<b>Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010</b>	<b>Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thu lãi phạt chậm thanh toán	376.164.164	-
Thu nhập khác	2.485.300.007	532.505.115
	<b>2.861.464.171</b>	<b>532.505.115</b>

**24. CHI PHÍ KHÁC**

	<b>Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010</b>	<b>Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trả tiền bồi thường do vi phạm hợp đồng	48.296.799	-
Chi phí khác	1.937.857.503	727.517.770
	<b>1.986.154.302</b>	<b>727.517.770</b>

**25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu được thực hiện trên các cơ sở số liệu sau :

	<b>Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010</b>	<b>Năm 2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	25.293.151.057	35.199.409.535
Số bình quân gia quyền của phổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu cơ bản	26.494.853	24.995.443
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	955	1.408

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***26. SỐ DƯ VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN****Doanh thu với các bên liên quan cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010**

Stt	Mã đơn vị	Tên công ty	Doanh thu nội bộ 6
			tháng đầu năm 2010 VND
1	11025000	Công ty xăng dầu Đồng Tháp	1.243.835.243
2	11032000	Công ty xăng dầu Cà Mau	939.786.009
3	11033000	Công ty xăng dầu Trà Vinh	342.188.468
4	11034000	Công ty xăng dầu Vĩnh Long	909.591.753
5	11004000	Công ty xăng dầu KV5	1.711.144.800
6	11004000	Chi nhánh xăng dầu Quảng Nam	9.215.618.050
7	11058000	Công ty xăng dầu Quảng Ngãi	5.242.250.300
8	11012000	Công ty xăng dầu Bình Định	1.394.040.700
9	11017000	Công ty xăng dầu Bắc Tây Nguyên	2.078.869.300
10	11017000	Chi nhánh xăng dầu Kon Tum	1.857.789.000
11	11018000	Chi nhánh xăng dầu Thừa Thiên Huế	15.486.378.450
12	11042000	Công ty xăng dầu Quảng Bình	8.661.118.146
13	11044000	Công ty xăng dầu Quảng Trị	4.002.617.250
14	11052000	Công ty xăng dầu Đồng Nai	916.853.450
15	11030000	Công ty xăng dầu Lâm đồng	7.593.902.370
16	11047000	Công ty xăng dầu Tây Ninh	66.372.200
17	11031000	Công ty xăng dầu Long An	778.867.170
18	11002000	XN bán lẻ xăng dầu KV2	1.223.929.586
19	11003000	Công ty xăng dầu khu vực 3	3.395.838.600
20	11005000	Công ty xăng dầu B12	3.678.819.948
21	11028000	Công ty xăng dầu Thái Bình	4.936.807.075
22	11010000	Công ty xăng dầu Thanh Hóa	2.990.055.641
23	11009000	Công ty xăng dầu Hà Nam Ninh	2.673.230.136
24	11011000	Chi nhánh xăng dầu Hà Tĩnh	5.212.324.636
25	11011000	Công ty xăng dầu Nghệ Tĩnh	11.166.616.920
26	11029000	Công ty xăng dầu Nam Tây Nguyên	1.867.719.350
27	11013000	Công ty xăng dầu Phú Khánh	5.114.973.500
28	11043000	Công ty xăng dầu Bến Tre	1.892.012.540
29	11031000	Công ty xăng dầu Long an	27.791.500
30	11041000	Công ty xăng dầu Tiền Giang	6.348.546.650
31	11046000	Công ty xăng dầu Hà Giang	6.209.091.413
32	11040000	Công ty xăng dầu Tuyên Quang	2.435.383.452
33	11026000	Công ty xăng dầu Tây Bắc	3.761.885.982
34	11026000	Chi nhánh xăng dầu Lai Châu	2.144.174.426
35	11015000	Chi nhánh xăng dầu Sơn La	4.117.577.464

**CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX**775 Giải Phóng, quận Hoàng Mai  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010  
đến ngày 30 tháng 06 năm 2010**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***26. SỐ DƯ VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN ( Tiếp theo)****Doanh thu với các bên liên quan cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010  
(Tiếp theo)**

Stt	Mã đơn vị	Tên công ty	Doanh thu nội bộ 6 tháng đầu năm 2010 VND
36	11001000	Chi nhánh xăng dầu Vĩnh Phúc	1.169.822.411
37	11008000	Công ty xăng dầu Phú Thọ	5.813.940.755
38	11035000	Công ty xăng dầu Cao Bằng	1.462.910.238
39	11022000	Công ty thiết bị xăng dầu Petrolimex	22.615.700
40	11072000	CN Công ty CP TM & VT Petrolimex Hà Nội tại Bắc Ninh	154.425.672
41	11015000	Chi nhánh xăng dầu Hòa Bình	752.023.121
42	11007000	Chi nhánh xăng dầu Bắc Kạn	2.257.515.781
43	11007000	Công ty xăng dầu Bắc Thái	4.099.512.071
44	11006000	Chi nhánh xăng dầu Lạng Sơn	9.497.463.611
45	11006000	Công ty xăng dầu Bắc Sơn	1.621.443.336
46	11001000	Công ty xăng dầu khu vực 1	302.380.255

**Số dư với các bên liên quan tại ngày 30/06/2010:**

Stt	Mã đơn vị	Tên công ty	Số dư công nợ phải thu tại 30/06/2010 VND
1	11014000	Công ty xăng dầu Tây Nam Bộ	3.540.000
2	11025000	Công ty xăng dầu Đồng Tháp	319.610.000
3	11032000	Công ty xăng dầu Cà Mau	208.659.486
4	11033000	Công ty xăng dầu Trà Vinh	59.329.636
5	11034000	Công ty xăng dầu Vĩnh Long	355.850.000
6	11004000	Công ty xăng dầu KV5	260.211.923
7	11004030	Chi nhánh xăng dầu Quảng Nam	675.884.576
8	11004040	Công ty xăng dầu Quảng Ngãi	1.238.193.682
9	11012000	Công ty xăng dầu Bình Định	355.766.645
10	11017000	Công ty xăng dầu Bắc Tây Nguyên	511.687.282
11	11017010	Chi nhánh xăng dầu Kon Tum	41.650.000
12	11080000	Chi nhánh xăng dầu Thừa Thiên Huế	1.168.280.947
13	11042000	Công ty xăng dầu Quảng Bình	1.001.763.751
14	11044000	Công ty xăng dầu Quảng Trị	412.525.205
15	11052000	Công ty xăng dầu Đồng Nai	143.399.960
16	11030000	Công ty xăng dầu Lâm Đồng	1.541.701.650
17	11047000	Công ty xăng dầu Tây Ninh	27.696.460
18	11031000	Công ty xăng dầu Long An	90.794.165
19	11002000	Xí nghiệp bán lẻ xăng dầu	79.410.698
20	11011000	Chi nhánh xăng dầu Hà Tĩnh	6.213.152.451
21	11011000	Công ty xăng dầu Nghệ Tĩnh	1.872.230.568
22	11029000	Công ty xăng dầu Nam Tây Nguyên	306.050.000
23	11013000	Công ty xăng dầu Phú Khánh	1.096.747.920

**CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX**775 Giải Phóng, quận Hoàng Mai  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010  
đến ngày 30 tháng 06 năm 2010**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***26. SỐ DƯ VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN ( Tiếp theo)****Số dư với các bên liên quan tại ngày 30/06/2010 (Tiếp theo)**

Stt	Mã đơn vị	Tên công ty	Số dư công nợ phải
			thu tại 30/06/2010
			VND
24	11043000	Công ty xăng dầu Bến Tre	892.169.546
25	11031000	Công ty xăng dầu Long an	
26	11041000	Công ty xăng dầu Tiền Giang	1.524.215.689
27	11046000	Công ty xăng dầu Hà Giang	1.399.585.128
28	11040000	Công ty xăng dầu Tuyên Quang	62.900.000
29	11026000	Công ty xăng dầu Tây Bắc	1.766.764.662
30	11026000	Chi nhánh xăng dầu Lai Châu	429.800.000
31	11015000	Chi nhánh xăng dầu Sơn La	1.286.672.552
32	11001000	Chi nhánh xăng dầu Vĩnh Phúc	520.580.408
33	11008000	Công ty xăng dầu Phú Thọ	3.682.897.439
34	11035000	Công ty xăng dầu Cao Bằng	778.230.175
35	11022000	Công ty thiết bị xăng dầu Petrolimex	48.356.470
36	11072000	CN Công ty CP TM & VT Petrolimex Hà Nội tại Bắc Ninh	456.477.566
37	11015000	Chi nhánh xăng dầu Hòa Bình	781.613.911
38	11007000	Chi nhánh xăng dầu Bắc Kạn	974.553.853
39	11007000	Công ty xăng dầu Bắc Thái	1.355.253.502
40	11006000	Chi nhánh xăng dầu Lạng Sơn	4.207.876.307
41	11006000	Công ty xăng dầu Bắc Sơn	3.778.621.952
42	11001000	Công ty xăng dầu khu vực 1	931.475.329
43	11054000	CN Công ty CP xây lắp 3 Petrolimex tại Hà nội	117.392.000
44	11045000	Công ty xăng dầu Lào Cai	156.393.049
45	11003000	Công ty xăng dầu khu vực 3	478.267.589
46	11005000	Công ty xăng dầu B12	453.162.322
47	11028000	Công ty xăng dầu Thái Bình	454.705.443
48	11010000	Công ty xăng dầu Thanh Hóa	1.368.586.881
49	11009000	Công ty xăng dầu Hà Nam Ninh	106.717.530

Stt	Mã đơn vị	Tên đơn vị	Nhận ký quỹ ký cược
			tại ngày 30/06/2010
			VND
1	11014000	Cty Xăng Dầu Tây Nam Bộ	1.801.560.000
2	11014300	CN Cty Xăng Dầu Bạc Liêu	7.660.000
3	11025000	Cty Xăng Dầu Đồng Tháp	1.833.370.000
4	11032000	Cty Xăng Dầu Cà Mau	2.288.020.000
5	11033000	Cty Xăng Dầu Trà Vinh	359.610.000
6	11034000	Cty Xăng Dầu Vĩnh Long	1.016.330.000
7	11035000	Cty Xăng Dầu An Giang	2.308.900.000
8	11004000	Công ty xăng dầu KV5	4.933.750.000
9	11004030	CN xăng dầu Quảng Nam	5.067.870.000
10	11004040	Công ty xăng dầu Quảng Ngãi	2.298.460.000
11	11012000	Công ty xăng dầu Bình Định	2.028.980.000
12	11017000	Công ty xăng dầu Bắc Tây Nguyên	1.156.890.000
13	11017010	Chi nhánh xăng dầu Kon Tum	1.100.570.000
14	11080000	Chi nhánh xăng dầu Thừa Thiên Huế	6.532.970.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX**775 Giải Phóng, quận Hoàng Mai  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010  
đến ngày 30 tháng 06 năm 2010**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***26. SỐ DƯ VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN ( Tiếp theo)****Số dư với các bên liên quan tại ngày 30/06/2010 (Tiếp theo)**

Stt	Mã đơn vị	Tên đơn vị	Nhận ký quỹ ký cược
			tại ngày 30/06/2010 VND
15	11042000	Công ty xăng dầu Quảng Bình	4.241.920.000
16	11044000	Công ty xăng dầu Quảng Trị	3.401.240.000
17	11052000	Công ty xăng dầu Đồng Nai	246.080.000
18	11030000	Công ty xăng dầu Lâm Đồng	2.137.426.012
19	11047000	Công ty xăng dầu Tây Ninh	42.400.000
20	11031000	Công ty xăng dầu Long An	209.540.000
21	11002000	Xí nghiệp bán lẻ xăng dầu	125.520.000
22	11011000	Chi nhánh xăng dầu Hà Tĩnh	722.670.000
23	11011000	Công ty xăng dầu Nghệ Tĩnh	10.251.380.003
24	11029000	Công ty xăng dầu Nam Tây Nguyên	326.050.000
25	11013000	Công ty xăng dầu Phú Khánh	145.790.000
26	11043000	Công ty xăng dầu Bến Tre	818.020.000
27	11031000	Công ty xăng dầu Long an	69.190.000
28	11041000	Công ty xăng dầu Tiền Giang	474.091.390
29	11046000	Công ty xăng dầu Hà Giang	4.283.520.000
30	11040000	Công ty xăng dầu Tuyên Quang	1.392.750.000
31	11026000	Công ty xăng dầu Tây Bắc	4.136.490.000
32	11026000	Chi nhánh xăng dầu Lai Châu	1.033.100.000
33	11015000	Chi nhánh xăng dầu Sơn La	2.182.300.000
34	11001000	Chi nhánh xăng dầu Vĩnh Phúc	501.980.000
35	11008000	Công ty xăng dầu Phú Thọ	2.230.990.000
36	11035000	Công ty xăng dầu Cao Bằng	1.606.290.000
37	11022000	Công ty thiết bị xăng dầu Petrolimex	66.630.000
38	11072000	Công ty CP TM & VT Petrolimex Hà Nội	120.120.000
39	11015000	Chi nhánh xăng dầu Hòa Bình	92.030.000
40	11007000	Chi nhánh xăng dầu Bắc Kạn	800.050.000
41	11007000	Công ty xăng dầu Bắc Thái	3.727.090.000
42	11006000	Chi nhánh xăng dầu Lạng Sơn	4.572.160.000
43	11006000	Công ty xăng dầu Bắc Sơn	1.575.150.000
44	11001000	Công ty xăng dầu khu vực 1	845.560.000
45	11045000	Công ty xăng dầu Lào Cai	42.200.000
46	11027000	Công ty xăng dầu Yên Bái	190.900.000
47	11010000	Công ty xăng dầu Thanh Hóa	847.320.000
48	11003000	Công ty xăng dầu khu vực 3	1.199.580.852
49	11005000	Công ty xăng dầu B12	2.954.220.000
50	11028000	Công ty xăng dầu Thái Bình	1.293.560.000
51	11010000	Công ty xăng dầu Thanh Hóa	2.129.340.000
52	11009000	Công ty xăng dầu Hà Nam Ninh	5.156.140.000

**27. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán hợp nhất là số liệu báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 đã được kiểm toán và số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất là số liệu báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam. Số liệu so sánh trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất đã được lập lại theo phương pháp gián tiếp cho mục đích tham khảo để so sánh với số liệu cùng kỳ năm 2010.

\*\*\*\*\*